



**THÔNG BÁO TRIỆU TẬP CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LÀM VIỆC
THAM DỰ KỶ THỊ NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH
TỪ CHUYÊN VIÊN LÊN CHUYÊN VIÊN CHÍNH TỈNH HUNG YÊN NĂM 2023**

(Kèm theo Thông báo số 15/TB-HDTNTH ngày 02/11/2023 của Hội đồng thi)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Miễn thi môn Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I		CÁN BỘ, CÔNG CHỨC									
1	C01	Trần Thị Hoài An	24/9/1978	Phó Trưởng phòng Kế hoạch tài chính	Sở Y tế	12 năm 01 tháng	01.003	3,99	X		Cử nhân Ngôn ngữ Anh
2	C02	Chu Đức Anh	18/10/1979	Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch	UBND huyện Phù Cừ	13 năm 02 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
3	C03	Phạm Hải Anh	20/02/1974	Phó Trưởng Ban Kinh tế - Xã hội	HĐND huyện Văn Lâm	20 năm	01.003	4,98		Tiếng Anh	
4	C04	Tổng Đăng Bắc	27/7/1972	Phó Trưởng phòng Kế hoạch tài chính	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	13 năm 02 tháng	01.003	3,99		Tiếng Anh	
5	C05	Vũ Nguyên Bình	22/3/1978	Trưởng phòng Tài chính - kế hoạch	UBND huyện Yên Mỹ	12 năm 8 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
6	C06	Doãn Thế Cầm	24/3/1987	Phó Giám đốc	Sở Kế hoạch và Đầu tư	9 năm 6 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
7	C07	Bùi Văn Cường	06/11/1977	Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Hưng Yên	9 năm 02 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
8	C08	Đặng Hải Đăng	12/10/1980	Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Kim Động	13 năm 6 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
9	C09	Vũ Công Điệp	26/12/1984	Phó Trưởng phòng Người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	13 năm 02 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
10	C10	Nguyễn Trường Đông	28/12/1980	Phó Chánh Văn phòng	Sở Giao thông vận tải	12 năm 2 tháng	01.003	4,32		Tiếng Anh	
11	C11	Bùi Minh Đức	03/3/1980	Trưởng phòng Kinh tế 1	Văn phòng UBND tỉnh	12 năm 9 tháng	01.003	3,99		Tiếng Anh	
12	C12	Lương Anh Đức	27/11/1977	Phó Trưởng phòng Giáo dục trung học - Giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	21 năm 2 tháng	01.003	4,65	X		Đại học ngành Tiếng Anh - Sư phạm
13	C13	Nguyễn Minh Đức	16/10/1981	Phó Trưởng phòng Quy hoạch, Kiến trúc và Phát triển đô thị	Sở Xây dựng	10 năm 10 tháng	01.003	3,99		Tiếng Anh	
14	C14	Vũ Thị Bích Dung	05/10/1984	Phó Trưởng phòng Nội chính	Văn phòng UBND tỉnh	13 năm 6 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
15	C15	Nguyễn Tiến Dũng	02/8/1982	Phó Chánh VP chuyên trách, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13 năm 02 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
16	C16	Nguyễn Hữu Dương	11/08/1986	Trưởng phòng Đấu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	09 năm 02 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Miễn thi môn Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
17	C17	Vũ Thị Duyên	14/9/1983	Phó Trưởng phòng Xây dựng chính quyền	Sở Nội vụ	9 năm 2 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	
18	C18	Nguyễn Thúy Giang	14/5/1976	UVBTV, Phó Chủ tịch HĐND huyện	HĐND huyện Ân Thi	19 năm	01.003	4,65		Tiếng Anh	
19	C19	Vũ Trường Giang	23/7/1987	Trưởng phòng Công chức, viên chức	Sở Nội vụ	9 năm 2 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	
20	C20	Vũ Tiến Giáp	22/12/1984	Trưởng phòng Quản lý công nghệ và Thị trường công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	13 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
21	C21	Phan Thị Việt Hà	07/4/1979	Phó Trưởng phòng Tư pháp	UBND thành phố Hưng Yên	13 năm 02 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
22	C22	Đỗ Văn Hải	02/11/1968	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Yên Mỹ	17 năm 5 tháng	01.003	4,98 + VK 8%		Tiếng Anh	
23	C23	Nguyễn Thị Thanh Hải	01/01/1972	Phó Chi cục trưởng, Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	14 năm	01.003	4,32		Tiếng Anh	
24	C24	Phạm Thị Mỹ Hạnh	03/5/1985	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Kim Động	13 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
25	C25	Trần Thị Hồng Hạnh	24/12/1980	Phó Giám đốc	Sở Công Thương	17 năm 02 tháng	01.003	4,32		Tiếng Anh	
26	C26	Trần Văn Hạnh	01/11/1975	Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Tiên Lữ	22 năm 2 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
27	C27	Hoàng Xuân Hiến	16/4/1977	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Phù Cù	11 năm 7 tháng	01.003	4,98		Tiếng Anh	
28	C28	Đào Thị Hiến	02/3/1975	Phó Chủ tịch UBND	UBND huyện Yên Mỹ	24 năm	01.003	4,98 + VK 14%		Tiếng Anh	
29	C29	Nguyễn Thị Minh Hiến	25/8/1976	Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Phù Cù	14 năm	01.003	4,32		Tiếng Anh	
30	C30	Nguyễn Thị Hoa	25/4/1981	Phó Trưởng phòng Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16 năm	01.003	3,99		Tiếng Anh	
31	C31	Phạm Thị Thanh Hoa	31/5/1981	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND thành phố Hưng Yên	13 năm 06 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
32	C32	Cao Xuân Hoàng	15/4/1974	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Văn Lâm	14 năm	01.003	4,98+ VK5%		Tiếng Anh	
33	C33	Phạm Văn Huế	08/5/1976	Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch UBND huyện	UBND huyện Ân Thi	15 năm 7 tháng	01.003	3,99		Tiếng Anh	
34	C34	Vũ Xuân Hùng	07/12/1977	Phó Trưởng phòng Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	12 năm 9 tháng	01.003	3,99		Tiếng Anh	
35	C35	Nguyễn Thị Thu Hương	12/9/1978	Phó Chánh Văn phòng	Sở Tài chính	12 năm 9 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
36	C36	Bùi Ngọc Hường	22/7/1978	Chánh Văn phòng HĐND-UBND	UBND huyện Phù Cù	10 năm 3 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Miễn thi môn Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
37	C37	Nguyễn Văn Hường	20/12/1974	Trưởng phòng Quản lý thể dục thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	23 năm	01.003	4,65		Tiếng Anh	
38	C38	Lê Thành Khoa	24/3/1982	Phó Chánh Văn phòng	Sở Tài chính	13 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
39	C39	Phạm Văn Khởi	12/01/1975	Chi cục trưởng, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Sở Y tế	12 năm 9 tháng	01.003	3,99	X		Cử nhân Ngôn ngữ Anh
40	C40	Đỗ Trung Kiên	08/4/1983	Phó Trưởng phòng Quản lý chất lượng xây dựng công trình	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	09 năm 02 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
41	C41	Quách Văn Liễu	24/10/1983	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Phù Cù	13 năm 7 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
42	C42	Nguyễn Ngọc Minh	20/02/1973	Phó Trưởng Ban Kinh tế - Xã hội	HĐND huyện Phù Cù	12 năm 1 tháng	01.003	4,98		Tiếng Anh	
43	C43	Bùi Quang Nam	03/02/1983	Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Phù Cù	13 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
44	C44	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	21/6/1983	Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	13 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
45	C45	Nguyễn Bạch Nhật	10/4/1977	Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị	UBND thành phố Hưng Yên	13 năm 02 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
46	C46	Nguyễn Duy Phong	30/3/1977	Huyện ủy viên, Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Văn Lâm	19 năm 2 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
47	C47	Nguyễn Thị Thu Phương	17/02/1987	Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Yên Mỹ	10 năm 5 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
48	C48	Đào Minh Phương	11/05/1982	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Tiên Lữ	13 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
49	C49	Trần Thị Phương	22/3/1986	Trưởng phòng Tư pháp	UBND huyện Yên Mỹ	13 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
50	C50	Đặng Hồng Quân	12/8/1981	Phó Trưởng phòng Quản lý giá, công sản và doanh nghiệp	Sở Tài chính	13 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
51	C51	Vũ Văn Quảng	05/3/1986	Phó Trưởng phòng Kinh tế 2	Văn phòng UBND tỉnh	9 năm 2 tháng	01.003	3,33	X		Cử nhân Ngôn ngữ Anh
52	C52	Luyện Văn Quý	16/7/1974	Phó Trưởng phòng Giáo dục mầm non - Giáo dục tiểu học	Sở Giáo dục và Đào tạo	17 năm 5 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
53	C53	Đinh Hồng Quyên	20/9/1978	Phó Chánh VP, phụ trách và điều hành	Văn phòng UBND tỉnh	15 năm 9 tháng	01.003	3,99		Tiếng Anh	
54	C54	Hoàng Văn Quyền	18/10/1983	Trưởng phòng Quản lý đô thị	UBND thị xã Mỹ Hào	9 năm 2 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	
55	C55	Ngô Ngọc Sơn	05/01/1978	Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Yên Mỹ	13 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
56	C56	Lê Văn Thắng	07/12/1980	Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16 năm 02 tháng	01.003	3,99		Tiếng Anh	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Miễn thi môn Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
57	C57	La Thị Phương Thảo	13/10/1979	Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND thị xã Mỹ Hào	10 năm 8 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
58	C58	Ngô Thị Thảo	05/10/1987	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND thành phố Hưng Yên	9 năm 02 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	
59	C59	Nguyễn Thái Thiện	25/7/1978	Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện Ân Thi	12 năm 9 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
60	C60	Nguyễn Thị Thu	09/9/1986	Quyền Trưởng phòng Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	09 năm 02 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	
61	C61	Phạm Thị Thương	02/9/1986	Phó Trưởng phòng Văn bản QPPL	Sở Tư pháp	9 năm 02 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	
62	C62	Nguyễn Thị Hồng Thúy	02/10/1974	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	Sở Giáo dục và Đào tạo	25 năm 4 tháng	01.003	4,98+VK 5%	X		Thạc sĩ Tiếng Anh
63	C63	Hoàng Thị Thủy	07/9/1981	Phó Giám đốc TT Phục vụ hành chính công và KSTTHC	Văn phòng UBND tỉnh	9 năm 2 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	
64	C64	Lê Xuân Thủy	13/10/1972	Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải	22 năm	01.003	4,98 + VK 6%		Tiếng Anh	
65	C65	Trần Thị Thủy	24/10/1976	Phó Trưởng phòng Nội vụ	UBND huyện Phù Cừ	13 năm 02 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
66	C66	Cáp Minh Tiến	06/9/1979	Trưởng phòng Tài chính - kế hoạch	UBND huyện Ân Thi	10 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
67	C67	Lê Văn Tiến	15/8/1969	Trưởng phòng Quy hoạch đầu tư	Ban Quản lý Khu đại học Phố Hiến	9 năm 02 tháng	01.003	4,98 + VK 7%		Tiếng Anh	
68	C68	Bùi Ngọc Trang	28/02/1982	Trưởng phòng Bảo trợ xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	9 năm 02 tháng	01.003	3,99		Tiếng Anh	
69	C69	Vũ Thị Trang	15/8/1986	Phó Trưởng phòng Tổng hợp	Văn phòng UBND tỉnh	09 năm 02 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	
70	C70	Nguyễn Văn Tuấn	16/8/1972	Chi cục trưởng, Chi cục Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	23 năm 5 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
71	C71	Trần Quang Thanh Tuấn	31/12/1979	Phó Trưởng phòng Khoa giáo - Văn xã	Văn phòng UBND tỉnh	10 năm 9 tháng	01.003	3,99		Tiếng Anh	
72	C72	Phạm Văn Tùng	14/12/1990	Phó Trưởng phòng Công chức, viên chức	Sở Nội vụ	9 năm	01.003	3,33		Tiếng Anh	
73	C73	Nguyễn Thị Tuyết	15/7/1985	Phó Trưởng Ban Pháp chế	HĐND huyện Kim Động	13 năm 2 tháng	01.003	3,99		Tiếng Anh	
74	C74	Trịnh Kim Uyên	22/12/1976	Chi cục trưởng, Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	22 năm 9 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
75	C75	Nguyễn Thị Bích Vân	15/4/1974	Trưởng phòng Chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	23 năm 05 tháng	01.003	4,98		Tiếng Anh	
76	C76	Đỗ Văn Vi	10/5/1986	Chánh Văn phòng	Sở Tài nguyên và Môi trường	9 năm 02 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Miễn thi môn Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
							Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
77	C77	Bùi Minh Việt	03/11/1975	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính - Thông tin nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19 năm 05 tháng	01.003	4,32		Tiếng Anh	
II		VIÊN CHỨC, NGƯỜI LÀM VIỆC									
1	V01	Nguyễn Đức Chung	07/9/1987	Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	UBND huyện Yên Mỹ	9 năm 3 tháng	01.003	3,33		Tiếng Anh	
2	V02	Nguyễn Văn Chung	15/02/1986	Phó Giám đốc	Quỹ Phát triển đất tỉnh	10 năm	01.003	3,33		Tiếng Anh	
3	V03	Nguyễn Cao Cường	20/11/1979	Chủ tịch	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hưng Yên	10 năm 8 tháng	01.003	4,32		Tiếng Anh	
4	V04	Nguyễn Văn Huân	22/01/1977	Trưởng Ban Tuyên huấn thanh thiếu niên	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Hưng Yên	18 năm 02 tháng	01.003	4,32		Tiếng Anh	
5	V05	Đỗ Như Hùng	08/8/1976	Trưởng Ban Điều hành vận tải và kiểm tra tải trọng xe	Sở Giao thông vận tải	18 năm 3 tháng	01.003	4,98		Tiếng Anh	
6	V06	Hoàng Thanh Hường	30/4/1978	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Hưng Yên	19 năm 3 tháng	01.003	4,32		Tiếng Anh	
7	V07	Nguyễn Thị Kiều Lam	25/11/1978	Trưởng phòng Tài vụ - Quảng cáo	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh	17 năm 2 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	
8	V08	Nguyễn Thành Nhân	07/9/1976	Giám đốc Trung tâm Thông tin, thống kê, ứng dụng khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	13 năm 2 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
9	V09	Hoàng Trọng Nhu	22/12/1983	Giám đốc Trung tâm Quan trắc - Thông tin tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	13 năm 02 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
10	V10	Dương Văn Ôn	24/10/1977	Phó chủ tịch	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Hưng Yên	20 năm 6 tháng	01.003	4,32		Tiếng Anh	
11	V11	Bùi Đăng Quy	03/02/1977	Giám đốc Bảo tàng tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	20 năm	01.003	4,65		Tiếng Anh	
12	V12	Đào Văn Quyển	06/03/1978	Giám đốc Thư viện tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	21 năm	01.003	4,65		Tiếng Anh	
13	V13	Phạm Huy Thái	30/9/1982	Giám đốc Trung tâm Giống nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13 năm 02 tháng	01.003	3,66		Tiếng Anh	
14	V14	Nguyễn Công Trứ	10/02/1975	Giám đốc Nhà hát Chèo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	12 năm 6 tháng	01.003	4,65		Tiếng Anh	